

**Xy lanh nhỏ gọn**  
**AEN-2 1 1/2"- -**  
Số bộ phận: 557195

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                                                                                                            |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 0.039 in...0.984 in                                                                                                                                |
| Ø pít tông                                            | 2 1/2"                                                                                                                                             |
| Dựa trên tiêu chuẩn                                   | ISO 21287                                                                                                                                          |
| Đệm                                                   | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu                                                                                                            |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kì                                                                                                                                             |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tác động đơn lẻ                                                                                                                                    |
| Cấu trúc xây dựng                                     | Pít tông<br>Cần piston<br>Ổng định hình                                                                                                            |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                                                                                                               |
| Các biến thể                                          | Ren ngoài thanh pít-tông kéo dài<br>Thanh pít tông kéo dài<br>Với bảo vệ chống xoắn<br>Vòng bít chịu nhiệt tối đa 120 °C<br>thanh pít-tông một mặt |
| Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng                           | ty pít tông vuông                                                                                                                                  |
| Áp suất vận hành                                      | 0.1 MPA...1 MPA<br>1 bar...10 bar<br>14.5 psi...145 psi                                                                                            |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                               |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                                                                      |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                                                             |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B1/B2-L                                                                                                                                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -4 °F...248 °F                                                                                                                                     |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                  | 0.207 ft-lbf                                                                                                                                       |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPA (6 bar, 87 psi), luống | 420 LBF                                                                                                                                            |
| Kiểu gắn                                              | tùy ý:<br>với lỗ xuyên<br>với ren trong<br>với phụ kiện                                                                                            |
| Cổng nối khí nén                                      | 1/8 NPT                                                                                                                                            |
| Vít cố vật liệu                                       | Thép                                                                                                                                               |
| Vật liệu phủ                                          | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                                                                                                         |
| Vật liệu thanh piston                                 | thép hợp kim                                                                                                                                       |

| Đặc tính            | Giá trị                        |
|---------------------|--------------------------------|
| Vật liệu vỏ xy lanh | Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn |